

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-PT

Ngày 13 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Ông Hồ Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo Võ Văn K và Nguyễn Thị Cẩm T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. **Võ Văn K** – sinh năm 1984 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ1, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T4 và Nguyễn Kim H1; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 199/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2018 của Công an huyện C A, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”, hình thức phạt tiền với số tiền 1.500.000 đồng, Võ Văn K đã nộp phạt ngày 07/12/2018); nhân thân: Bản án số 85/2010/HSPT ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, Bản án số 09/2011/HSST ngày 11/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù, Võ Văn K chấp hành xong hình phạt ngày 01/5/2012; bị bắt ngày 21/10/2019 sau đó tạm giữ và chuyển tạm giam cho

đến nay. (Có mặt).

2. **Nguyễn Thị Cẩm T** – sinh năm 1998 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nồi trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 và Phạm Thị Bé C1; có chồng là Võ Văn K (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt ngày 01/02/2020 sau đó tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Trần Thanh P – Văn phòng Luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, bào chữa cho bị cáo Võ Văn K. (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Lê Hoàng S – sinh năm 1983; (Có mặt).

Trú tại: Số 513, khu vực P, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

2. Trương Văn H – sinh năm 1989; (Có mặt).

Trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Võ Thị C1 – sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Trú tại: Số 157, khu phố A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu vực 8, phường H, quận R, thành phố Cần Thơ.

4. Đinh Thị Thanh L – sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Hà Thị Cẩm Đ – sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Ngọc L1; (Vắng mặt).

2. Phạm Văn Minh L2; (Vắng mặt).

3. H Văn Út M; (Vắng mặt).

4. Nguyễn Thị T1; (Vắng mặt).

5. Cao Quốc K1. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 20/4/2019 Nguyễn Thị Cẩm T điện thoại cho Nguyễn Thị T1 để mượn nhà bà T1 thuộc ấp L, xã Đ A, huyện C, tỉnh Hậu

Giang làm địa điểm đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ, cùng ngày 20/4/2019, nhóm của Cẩm T và Hà Thị Cẩm Đ, Võ Văn T2, Nguyễn Văn Đ1 và Phạm Thị Bé C1 (cha và mẹ của Cẩm T) cùng với nhóm của Trương Văn H và những khác gồm Nguyễn Ngọc L1; Võ Thị C1; Phạm Minh L2, Đinh Thanh L, T3, D (chưa xác định nhân thân, địa chỉ) cùng nhau chơi đánh bài ngẫu hằm (loại bài tây 05 lá) ăn tiền. Chơi được khoảng 60 phút, thì ông Đ1 và bà C1 ra về.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T đã thua hết tiền nên nhờ bà T1 mượn tiền, T1 đồng ý và mượn của Nguyễn Văn Đ1 20.000.000 đồng. Khi T mượn được tiền thì tiếp tục đánh bài đến khoảng 02 giờ 40 phút, ngày 21/4/2019 H điện thoại cho Lê Hoàng S kêu mang tiền đến cho H mượn, S đồng ý và cho mượn 5.000.000 đồng. Khi S đến nhà bà T1 được khoảng 05 phút thì Đ phát hiện phía sau vị trí ngồi của H và L1 có 01 bộ bài nên nói T đi qua lấy bộ bài đồng thời kêu T2 đứng phía sau của H và L1. T lấy được bộ bài rồi la lớn khẳng định nhóm của H chơi gian lận và yêu cầu trả lại số tiền T đã thua trước đó nhưng nhóm H không đồng ý, mà đi ra hành lang bên ngoài nhà bà T1 đứng.

Lúc này, Nguyễn Thị Cẩm T điện thoại cho Võ Văn K (chồng của T) kể lại sự việc bị nhóm của H chơi đánh bạc gian lận và kêu K đến đòi lại tiền. Khoảng 05 phút sau, T mở khóa cửa rào cho K vào, trên tay K cầm 01 cây dao (loại dao chành chét, dài khoảng 40cm) vừa đi vừa chửi lớn tiếng: “Tụi mày dám đánh bài điểm ăn vợ tao, bữa nay không trả tiền lại tao giết, chặt đầu hết”. Thấy S và H đang ngồi ở bậc thềm, K hỏi ai là người đánh bài điểm thì T chỉ S. K kêu S trả lại tiền thì S nói: “Tôi không chơi đánh bài”. Ngay lập tức K dùng dao đánh vào lưng làm S té xuống đất, rồi tiếp tục dùng chân đá vào mặt S hai cái trúng chân phải bên phải. K kêu: “Xét lấy hết tiền của tụi nó”. Khi nghe K kêu thì T2 đi đến trước mặt kêu S và H đưa tiền, S lấy bóp đưa cho T2 thì T2 dùng tay kiểm tra các túi của S rồi lấy hết tiền trong bóp đếm được 12.000.000 đồng. H nhìn thấy S bị đánh nên lấy trong bóp 5.000.000 đồng đưa cho T2. Cùng lúc này thì T và Đ đi vào phòng (nơi đánh bài) kêu những người nữ của nhóm H đưa tiền thì L đưa cho T khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng; Võ Thị C1 lấy 1.400.000 đồng ở túi áo đưa cho T. Sau đó T dùng tay kiểm tra túi áo khoác thì phát hiện còn tiền nên T kêu đưa. Lúc này Võ Thị C1 không đưa thêm tiền và năn nỉ T thì K đứng bên ngoài cửa sổ la lớn: “Lấy hết tiền của nó”. Nghe vậy C1 sợ nên lấy tiền cầm trên tay thì bị T giật lấy. Võ Thị C1 kêu T đếm tiền vì là tiền giao hụi nên T đếm xác định được tổng số tiền của Võ Thị C1 là 14.000.000 đồng. Sau khi xét lấy tiền, T2 đếm được tổng cộng 36.000.000 đồng.

Sau khi đếm tiền xong, K tiếp tục nói với S phải “đem vô” 200.000.000 đồng mới cho S và nhóm của H ra về. S nói không chơi và không có tiền thì K tiếp tục chửi. Khoảng 05 phút đến 10 phút sau K nói: “Tại vợ tao ngu quá” rồi kêu S “đem vô” 100.000.000 đồng mới cho về. S đồng ý nhưng xin cho về để mượn tiền. K không đồng ý. Lúc này, S điện thoại cho Cao Quốc K1 nhờ K1

bảo lãnh với K để cho S về mượn tiền. Sau khi nói chuyện với K1 thì K đồng ý nhưng S phải để lại xe mô tô và nhẫn vàng đang đeo trên người, lúc này S gửi nhẫn vàng cho H giữ dùm. S ra về thì gặp H Văn Út M nên S nhờ chở đến chợ Ngã Sáu, còn K thì điều khiển xe ra về. Tại nhà bà T1 lúc này còn lại T, T2, Đ và những người trong nhóm của H. Đến khoảng 06 giờ, ngày 21/4/2019, K trở lại nhà bà T1 thì S đã mượn được tiền và đưa cho Út M mang đến nhà bà T1 giao cho T 02 lần là 88.000.000 đồng, lúc này T2 đưa số tiền 36.000.000 đồng đã xét lấy của S, H, L và Võ Thị C1 trước đó lại cho T.

Khi đã nhận đủ 100.000.000 đồng của S gồm 12.000.000 đồng đã xét lấy trước và 88.000.000 đồng vào sáng ngày 21/4/2020 thì K cho những người trong nhóm H ra về.

Quá trình điều tra, Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T, Võ Văn T2 khai nhận do T điện thoại kể lại việc bị nhóm của H chơi bài gian lận ăn tiền bị T phát hiện mà không chịu trả lại tiền nên nhờ K đến lấy lại. Khi K đến kêu S trả lại tiền nhưng S không trả, K tức giận nên đã chửi và đánh S rồi kêu T2, T xét lấy hết tiền lại. T2 đã lấy của S 12.000.000 đồng, H 5.000.000 đồng. T đã lấy tiền của L nhưng không xác định được là bao nhiêu tiền do không đếm lại và lấy của Võ Thị C1 tổng số 14.000.000 đồng. Sau khi T2, T đã xét lấy tiền nhưng không đủ số tiền mà T đã thua nên K kêu S phải trả đủ 100.000.000 đồng nếu không sẽ không cho nhóm của H ra về. Sau đó S mượn được tiền gửi Út M giao cho K thêm 88.000.000 đồng thì K, T2, T cho nhóm của H về.

Đối với Võ Văn T2 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang đã ra Quyết định truy nã và tách thành vụ án khác, khi nào bắt được sẽ xử lý theo quy định.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền tại nhà bà Nguyễn Thị T1 vào ngày 20/4/2019 của T, Đ, H, L1, L, C1 và một số người khác chưa xác định nhân thân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định.

Đối với hành vi của Võ Văn K gây thương tích cho Lê Hoàng S, do Lê Hoàng S không yêu cầu nên không xử lý về hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn K và bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 21/10/2019.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 01/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T trả cho anh Lê Hoàng S 70.000.000 đồng và trả cho anh Trương Văn H 5.000.000 đồng, truy thu số tiền 44.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T, buộc bị cáo T nộp để sung công.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HCT, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm; tuyên bố các bị cáo Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; sửa bản án sơ thẩm; tuyên bố các bị cáo Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn K không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc các bị cáo Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội 02 tội là tội “Cướp tài sản” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Người bào chữa cho rằng ngay từ đầu khi vào nhà bà T1 thì bị cáo K đã yêu cầu những người chơi đánh bài gian lận trong nhóm của bị hại đưa đủ số tiền 100 triệu đồng; hành vi của các bị cáo thực hiện liên tục, không thể chia theo hai khoảng thời gian khác nhau theo như cáo trạng và quyết định kháng nghị; khi bị hại S ra về để kiểm tiền thì những người ở lại nơi đánh bạc gọi điện cho S liên tục chứng tỏ những người ở lại vẫn sợ bị dùng vũ lực. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh của các bị cáo theo quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị phúc thẩm. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang phù hợp với quy định tại Điều 336 và

Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nhưng các bị cáo khai báo chưa trung thực và đầy đủ về hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện. Tuy nhiên, qua đối chiếu lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận về nội dung vụ án và diễn biến hành vi phạm tội theo như nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã mô tả.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự quy định về tội “Cướp tài sản” như sau: *“Điều 168. Tội cướp tài sản*

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.”.

Tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự quy định về tội “Cưỡng đoạt tài sản” như sau: *“Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản*

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”.

[4] Các bị cáo K và T đều là người từ đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân của các bị hại. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đều thỏa mãn dấu hiệu về mặt chủ thể, mặt chủ quan và mặt khách thể của tội “Cướp tài sản” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Việc xác định các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” hay “Cưỡng đoạt tài sản” chủ yếu căn cứ vào dấu hiệu về mặt khách quan của cấu thành tội phạm.

Đối với tội “Cướp tài sản”, dấu hiệu về mặt khách quan là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, dấu hiệu về mặt khách quan là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản.

[5] Trong vụ án này, đối với hành vi của bị cáo K dùng dao đánh vào lưng và dùng chân đá vào mặt S yêu cầu S và những người trong nhóm của S là H, C1 và L giao tiền là hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo K và đồng phạm đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với hành vi của bị cáo K yêu cầu bị hại S và những người trong nhóm của bị hại S giao đủ số tiền 100.000.000 đồng, theo quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang thể hiện trong Cáo trạng và Quyết định kháng nghị thì đây là *“hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và lợi dụng sự yếu thế của bị hại do bị hại đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt 100.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự”*. Như vậy, cần xem xét, đánh giá hành vi của bị cáo K yêu cầu bị hại S giao đủ số tiền 100.000.000 đồng là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hay hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào diễn biến hành vi phạm tội có đủ cơ sở để xác định ý thức và mục đích của bị cáo K và đồng phạm ngay từ ban đầu là chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà các bị cáo cho rằng những người này đã “chơi đánh bài gian lận” thắng được của bị cáo T chứ không thể tách biệt hành vi chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng với hành vi chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng trước đó. Khi bị cáo K yêu cầu đưa thêm tiền cho đủ 100.000.000 đồng là hướng đến tất cả những người trong “nhóm” đánh bài gian lận thắng bị cáo T (“nhóm” của bị hại H) nên cần phải xác định bị hại là tất cả những người trong “nhóm” của bị hại H, bao gồm cả H, S, C1 và L chứ không phải là hành vi chiếm đoạt tài sản của mỗi bị hại S theo như quan điểm của Viện kiểm sát. Sở dĩ các bị cáo thực hiện hành vi lấy tiền nhiều lần và cách nhau một khoảng thời gian ngắn (khoảng 10 phút) là do điều kiện, hoàn cảnh khách quan bắt buộc: Các bị cáo cần có thời gian để xét lấy hết tiền của các bị hại, tiếp sau đó kiểm tra số tiền đã xét lấy được tổng cộng là 36.000.000 đồng, vì số tiền này vẫn chưa đủ số tiền mà bị cáo T đã thua nên bị cáo K mới yêu cầu các bị hại phải giao thêm tiền, nhưng đến lúc này thì các bị hại không ai còn tiền, vì vậy bị hại S mới thỏa thuận với bị cáo K cho bị hại S đi về để kiếm tiền, còn H và các bị hại khác vẫn phải ở lại chờ S đem tiền vô mới được ra về. Điều đó thể hiện rõ tại lời khai của các bị cáo và các bị hại như:

Tại Biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị Cẩm T ngày 09/7/2019 (Bút lục 68): Anh K gặp S kêu S trả lại cho tôi số tiền 100.000.000 đồng. S trả lời: “Em mới lên đưa tiền H, em không có chơi”. K nói: “Mấy thằng bây ăn chung, phải gom trả vợ tao 100.000.000 đồng”. Anh S đang ngồi thì K dùng chân đá vào mặt trúng chân mài mắt ra máu. Anh K kê S, H và một số người nhóm H lấy tiền ra trả lại cho tôi [...] Số tiền T2 đưa cho tôi và nói ba mươi mấy triệu. Lúc này anh K kêu S phải đưa đủ 200.000.000 đồng nhưng một hồi thì anh K hạ xuống còn 100.000.000 đồng nhưng mấy người này không có tiền nên anh S năn nỉ cho về để mượn tiền vào.

Tại Biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị Cẩm T ngày 08/01/2020 (Bút lục 77): Anh K hỏi: “Ai đâu?”. Tôi nói: “Anh H điện anh S đem bài lên đánh gian lận em” và chỉ mặt anh S. Anh K lại nói với S: “Mày dám đánh bài gian lận vợ tao”. Tôi không nghe anh S nói gì. Anh K dùng chân đá trúng vào mặt của anh S nhưng trúng vào vị trí nào thì tôi không rõ. Khi vừa đá xong thì anh K nói với S: “Mấy thằng bây ăn bao nhiêu tiền thì móc túi trả lại, không móc thì

tao kêu nó móc túi mấy thằng mày”. Anh K nói: “Mấy đứa bây xét lấy tiền nó hết tao”. Lúc này T2 đi lại chỗ H và S đang ngồi. Tôi không rõ T2 có nói gì không mà thấy H và S móc bóp ra đưa tiền cho T2. Lúc này những người nữ đi trở vào trong nhà thì tôi với Đ đi vào kêu đưa tiền nhưng không ai đưa. Lúc này anh K đứng ngoài cửa sổ nói: “Mấy móc hết của tụi nó, nó không đưa thì hai đứa bay móc túi nó” [...] Tất cả số tiền lấy từ S, H và người nữ lạ đưa cho T2 giữ. Sau đó anh K kêu anh S đem vào 200.000.000 đồng mới được về. Một hồi sau thì anh K hạ xuống còn 100.000.000 đồng. Lúc này anh S điện thoại cho ai ở Ngã bảy tôi không rõ tên. Sau đó điện vào máy điện thoại tôi nói chuyện với anh K. Sau đó anh K cho anh S về kiểm tiền đem vào.

Tại Biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Thị Cẩm T ngày 04/02/2020 (Bút lục 309): Khi qua đến thì anh K chửi thề [...] vừa chửi thề vừa đi vào. Anh K hỏi thằng nào chơi đếm thì tôi chỉ mặt anh S và anh H đang ngồi chỗ bậc thềm nhà dì T1. Anh K nói với S: “Mầy ăn vợ tao bao nhiêu sao không đưa lại cho nó” rồi dùng chân đá vào mặt anh S. [...] Anh K chửi thề [...] anh S và kêu S trả tiền lại cho tôi. Tôi nghe anh K nói: “Nó ăn bao nhiêu thì lấy lại”. Tôi vào trong nhà lấy tiền nhưng không ai chịu đưa. Lúc này K đứng ngoài cửa sổ nạt lớn tiếng và nói: “Tụi bây ăn bao nhiêu trả lại cho nó”. [...] Tôi lấy số tiền cầm ra đưa cho T2 giữ. Sau đó anh K kêu S đem vào đủ 100 triệu đồng mới cho về. Sau một hồi dẫn co thì anh S điện thoại cho ai tôi không rõ. Sau này tôi nghe nói là Quốc K1. K1 bảo lãnh cho S về kiểm tiền đem vào.

Tại Biên bản hỏi cung bị can Võ Văn K ngày 14/8/2020 (Bút lục 485): Mặc dù bị can không yêu cầu ai trả cụ thể nhưng khi nói trả lại 100 triệu là mục đích của bị can là muốn những người chơi bài điểm ăn vợ bị can phải trả lại 100 triệu. [...] Bị can đã yêu cầu phải trả lại cho vợ bị can 100 triệu trước đó khoảng 15 phút nhưng S và những người trong nhóm của S không có ai đưa tiền cho bị can hay vợ bị can hết nên bị can mới tức rồi đánh S.

Tại Biên bản ghi lời khai Võ Văn T2 ngày 23/10/2019 (Bút lục 83): Tôi thấy anh K dùng chân đá trúng vào một người nam nhưng tôi không biết tên gì, tôi nhớ là đá một hay hai cái. Tôi nghe anh K nói: “Bây giờ tụi bây trả tiền lại vợ tao không?”. Những người chơi đánh bài không trả. Tôi nghe K đòi 200 triệu nhưng sau đó nghe anh K nói: “Giờ tao cho tụi bây đó, tụi bây kiếm đủ 100 triệu thì cho tụi bây về”. Lúc này tôi nghe anh K kêu mấy người đánh bài móc tiền trong người ra thì có mấy người bị K đá và một người nam ôm móc bóp ra. K kêu kiểm tra người nó. Lúc đó Cẩm Đ và T kiểm tra lấy tiền của những người chơi đánh bài rồi đưa tôi cầm giữ. Lúc này người nam bị K đánh chảy máu đi kiểm tiền, K đi về.

Tại Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 28/10/2019 (Bút lục 43-44): K cầm cây dao chành chết trên tay và chửi: “[..] hôm nay tụi mầy không bỏ xe, bỏ tiền lại đây tao chém chết mẹ tụi mầy”. Tôi trả lời: “Em mới vô, đem tiền cho nó mượn, không có chơi”. Vừa nói dứt câu thì K dùng tay phải nắm ngực tôi, còn tay phải cầm cây dao chành chết đánh trên lưng tôi làm tôi té

xuống nền gạch trước sân cấp bên thềm nhà thì bị K dùng chân đá hai ba cái trúng vào người và mặt tôi làm bị chảy máu ở chân mải [...] K nói: “Tụi mày còn tiền trong mình móc ra hết đi, một hồi tao cũng xét mấy thằng mày hà” [...] Tôi nghe T2 nói tiền của tôi là 17.000.000 đồng, của H và T2 bao nhiêu thì tôi không rõ. Lúc này K chửi thề và nói: “Giờ kiểm 200.000.000 đồng mới cho tụi mày về” [...] T2 gom tiền rồi lại nói gì với K tôi không rõ. Khoảng 10 phút sau thì kênh kêu tôi nói: “Giờ mày phải điện người nhà mày đem vô 100.000.000 đồng”.

Tại Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 11/6/2019 (Bút lục 37-38): [...] tôi không đi mà đi lên Công an huyện nhưng đi dọc đường thì H điện thoại kêu tôi đừng báo Công an mà kêu tôi chờ một chút kiểm tiền, còn bị đánh thì tụi em chịu tiền thuốc cho. [...] tôi suy nghĩ không đi trình báo Công an mà quay lại ngã tư cầu Cái Dầu ngồi gần sân banh thì nhóm của H điện thoại kêu tôi hỏi tiền giùm. Tôi hỏi Gấm mượn được 18.000.000 đồng. [...] Nửa tiếng chưa có tiền thì K điện thoại hỏi sao chưa có tiền. Tôi hẹn một chút nữa vì lúc này D và T3 được thả ra và đi về lấy tiền. Khoảng 06 giờ sáng thì T3 và D đem xuống 70.000.000 đồng đưa cho thằng Út M cầm vào đưa cho K do lúc đó tôi đi Bệnh viện huyện C để may vết thương.

Tại Biên bản ghi lời khai Trương Văn H ngày 24/6/2019 (Bút lục 50): Vừa đánh xong thì K nói: “Mấy thằng mày ăn vợ tao mấy trăm triệu, có bao nhiêu tiền móc ra hết” và kêu Đ, T và thằng ôm lại tôi lấy tiền.

Tại Biên bản ghi lời khai Nguyễn Ngọc L1 ngày 19/5/2019 (Bút lục 117): Khi K vào chửi và nói: “Vợ tao đánh bài hồi đó giờ thua một trăm mấy hai trăm triệu phải trả tiền lại”. Lúc này tôi nghe S nói: “Tôi đâu có đánh bài, từ trước giờ đâu có chơi đánh bài với vợ anh đâu”. Lúc này K cầm cây dao chặt vào lưng của anh S nhưng không xác định bẻ sống hay lưỡi dao. Rồi K dùng chân đá trúng vào mí mắt làm chảy máu. K kêu xét lấy tiền. Tôi không xác định ai xét lấy tiền H và S. Còn tôi thì có một thanh niên tôi không biết tên kêu tôi móc túi ra. K không cho tôi về mà kêu đưa thêm 150 triệu đồng nữa, sau đó xuống còn 100 triệu đồng. S nói: “Không có tiền”. K nói: “Không có tiền thì để mấy đứa này ở đây, mày về lấy chừng nào có tiền trả ra”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo K thừa nhận mục đích của bị cáo khi đến nơi đánh bạc là để lấy lại toàn bộ số tiền mà bị cáo T đã thua và khi bị cáo yêu cầu bị hại S đưa thêm cho đủ số tiền 100.000.000 đồng là muốn tất cả những người chơi đánh bạc thắng bị cáo T phải đưa tiền lại cho bị cáo T.

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng hành vi chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng là hành vi “đe dọa sẽ dùng vũ lực và lợi dụng sự yếu thế của bị hại do bị hại đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, uy hiếp tinh thần” chứ không phải hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc”, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là hành vi dùng lời nói hoặc hành động nhằm đe dọa bị hại nếu không giao tài sản hoặc không để cho người phạm tội lấy tài sản thì vũ lực sẽ được thực hiện ngay. Nếu bị hại không giao tài

sản cho người phạm tội hoặc không để cho người phạm tội lấy tài sản thì khả năng xảy ra việc dùng vũ lực của người phạm tội đối với bị hại là tất yếu. Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, người phạm tội chỉ có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực chứ không có ý định nếu bị hại không giao tài sản thì dùng vũ lực.

[8] Trong vụ án này, khả năng dùng vũ lực ngay tức khắc của bị cáo K đối với các bị hại tiềm ẩn ngay trong hành vi của bị cáo K khi bị cáo dùng dao chém vào lưng và dùng chân đạp vào mặt bị hại S và trong một thời gian ngắn ngay sau đó bị cáo K và đồng phạm thực hiện việc lấy tiền và yêu cầu các bị hại tiếp tục giao tiền cho đủ 100.000.000 đồng. Điều đó thể hiện ở việc khi yêu cầu giao thêm tiền thì trên tay bị cáo K vẫn còn cầm cây dao là hung khí vừa dùng để chém bị hại S (Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 04/8/2020, bút lục 455) và qua lời khai của các bị hại như:

Tại Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 30/6/2019 (Bút lục số 41): Khi bị K đánh kêu đưa tiền thì tôi rất sợ, đồng ý đưa tiền theo yêu cầu của K để đảm bảo tính mạng.

Tại Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 13/12/2019 (Bút lục số 48): Lý do không bị bắt giữ, trói, nhốt mà đưa tiền cho K theo yêu cầu của K là vì trước đó K đánh lấy tiền tôi và kêu tôi phải đưa thêm tiền, tôi sợ bị đánh nữa nên đồng ý đưa tiền. Khi cho tôi đi lấy tiền đem vào thì kênh có nói: “Mày đi báo Công an thì mày thấy cảnh mày”. Tôi sợ thêm số người ở lại bị đánh nữa nên tôi tìm mượn tiền để đem vào.

Tại Biên bản ghi lời khai Lê Hoàng S ngày 04/8/2020 (Bút lục số 455): K đi lại kêu tôi phải điện người nhà đem vô 200 triệu rồi về. Tôi nói: “Tôi vô có chơi đâu mà kêu đem vô 200 triệu tiền đâu em đưa?”. K nói: “Tao không biết, không có tiền tao cắt cổ mấy thằng mày luôn chứ”. Khoảng 05 phút sau thì K nói: “Phải đưa đủ 100 triệu rồi về”. Tôi thấy K đòi cắt cổ nên sợ quá. Tôi suy nghĩ rồi đồng ý đưa đủ 100 triệu. Lý do tôi đồng ý đưa đủ số tiền 100 triệu là vì K nói không có tiền nó cắt cổ hết nên tôi sợ một hồi nó khùng làm thiệt nên đồng ý đưa tiền để K cho tôi về.

Tại Biên bản ghi lời khai Võ Thị C1 ngày 01/11/2019 (Bút lục số 105): Lý do tôi đưa tiền là vì sợ bị đánh khi thấy người thanh niên chồng của người nữ lấy tiền tôi đánh ông S và chửi thề rất nhiều.

Tại Biên bản ghi lời khai Đinh Thị Thanh L ngày 19/12/2020 (Bút lục số 113): Lý do tôi đưa tiền là vì tôi nghe tiếng chửi thề lớn và nói không đưa tiền sẽ giết chết hết nên tôi sợ. Khi tôi ra trước tôi thấy thằng la lớn cầm cây dao dài nhưng loại dao gì tôi không nhớ.

[9] Như vậy, trong không gian và thời gian diễn ra vụ án, với hung khí bị cáo K còn cầm trên tay sau khi vừa đánh, chém bị hại S xong như trên, các bị hại ai cũng tin rằng nếu họ không đồng ý giao thêm tiền theo yêu cầu của bị cáo K và đồng phạm thì việc bị cáo K dùng vũ lực ngay tức khắc đối với họ chắc chắn sẽ xảy ra và do quá sợ hãi nên họ buộc phải đồng ý giao thêm tiền cho bị cáo K

và đồng phạm. Tội phạm hoàn thành khi bị cáo K và đồng phạm thực hiện hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để yêu cầu các bị hại giao tiền. Diễn biến tiếp theo của sự việc, kể từ lúc bị hại S đồng ý giao thêm tiền theo yêu cầu của bị cáo K (bao gồm cả sự việc bị cáo K và bị hại S thỏa thuận về việc cho bị hại S về kiếm tiền mang vào cho các bị cáo; bị cáo K uy hiếp tinh thần bị hại S: “Mày đi báo Công an thì mày thấy cảnh mày”) chỉ làm rõ thêm hành vi phạm tội chứ không phải là căn cứ chủ yếu để xác định tội danh.

[10] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chứng minh được rằng: Vào ngày 21/4/2019, các bị cáo Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T và đối tượng Võ Văn T2 đã thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại Lê Hoàng S, Trương Văn H, Võ Thị C1 và Đinh Thị Thanh L. Tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 124.000.000 đồng. Bị cáo K sử dụng cây dao bằng sắt là phương tiện nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội phạm “Cướp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “sử dụng phương tiện nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo Võ Văn K, Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm trong trường hợp có căn cứ xác định các bị cáo phạm thêm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo T trả cho anh S 70.000.000 đồng và trả cho anh H 5.000.000 đồng, truy thu số tiền 44.000.000 đồng đối với bị cáo T, buộc bị cáo T nộp để sung công là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, các bị cáo K và T đồng phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Trong đó, mỗi bị cáo có trách nhiệm trả lại cho các bị hại phần mà mỗi bị cáo đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại Lê Hoàng S, Trương Văn H thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm về việc bị cáo T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền mà các bị hại có ý kiến không yêu cầu các bị cáo phải trả lại thì Tòa án không tuyên tịch thu số tiền đó

mà ghi nhận ý kiến của bị hại trong bản án. Đối với số tiền bị cáo K đã nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự được xử lý trong quá trình thi hành án, Tòa án không trực tiếp căn trừ số tiền này vào số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại S. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo T nộp số tiền 44.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo K, bị cáo T và các bị hại S, H. Theo đó, bị cáo K hoàn trả cho bị hại S số tiền 30.000.000 đồng (Bị cáo Võ Văn K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang), bị cáo T hoàn trả cho bị hại S 70.000.000 đồng và bị hại H 5.000.000 đồng.

[13] Về án phí: Không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt. Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn K và bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Văn K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2020.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Võ Văn K, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và các bị hại Lê Hoàng S, Trương Văn H, cụ thể như sau:

- Bị cáo Võ Văn K hoàn trả cho bị hại Lê Hoàng S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bị cáo Võ Văn K đã nộp số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0008528 ngày 13/11/2021.

- Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại Lê Hoàng S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và bị hại Trương Văn H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; đương sự; (7b)
- Trại tạm giam; (2b)
- VKSND tỉnh Hậu Giang; (2b)
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hậu Giang; (1b)
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang; (1b)
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS huyện C; (6b)
- Công an xã nơi bị cáo cư trú; (2b)
- Lưu: HSVA; THS; VP. (5b)

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh